

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Xu hướng giằng co vẫn chiếm vị thế chủ đạo trong ngày hôm nay. VN-Index kết phiên tại mốc 1,611.60 điểm, tăng hơn 3 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông, Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn, đặc biệt bán ròng khoảng 1.5 nghìn tỷ trên sàn HSX. VN-Index tiếp tục có một cây nến rút chân, cho thấy thị trường nhìn chung vẫn ủng hộ đà tăng của chỉ số dù đi kèm giằng co.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL có diễn biến trái chiều: VN30F2509 và 411IG3000 tăng trong khi 411IF8000 và VN30F2512 giảm điểm.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 13/08/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+3.38** điểm, đóng cửa tại **1611.6** điểm. HNX-Index **+3.22** điểm, đóng cửa tại **279.69** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MBB (+2.28)**, **CTG (+2.08)**, **MSN (+0.84)**, **LPB (+0.83)**, **BVH (+0.69)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-1.45)**, **VCB (-0.97)**, **FPT (-0.81)**, **HPG (-0.71)**, **GEX (-0.56)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **53,455** tỷ đồng, tăng **22.07%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 56,061 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 32.77 điểm. Thị trường có **164** mã tăng, 50 mã tham chiếu, **165** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1495.12** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-1077.62 tỷ)**, **SSI (-193.04 tỷ)**, **MWG (-141.84 tỷ)**, **HPG (-106.31 tỷ)**, **FUEVFNVD (-97.70 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-34.95** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.28%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBB (+6.09%) [\(Link báo cáo\)](#)
KDH (+5.85%)
CTG (+3.33%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.95%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+9.86%)
CMG (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
HDG (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.28%	0.95%	0.21%	-0.09%
1 tuần	3.31%	4.58%	2.41%	1.76%
1 tháng	8.72%	15.58%	9.60%	9.22%
3 tháng	22.77%	30.00%	22.72%	25.13%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,611.60	279.69	109.42
% 1D	0.21%	1.16%	0.20%
GTKL (tỷ VND)	53,455	5,130	1,428
%1D	22.07%	64.04%	1.50%
GDNN (tỷ VND)	-1495.12	-34.95	-40.88

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SHB	129.94	FPT	-1077.62
HCM	97.27	SSI	-193.04
CMG	96.45	MWG	-141.84
VPB	78.84	HPG	-106.31
MSN	70.54	FUEVFNVD	-97.70

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

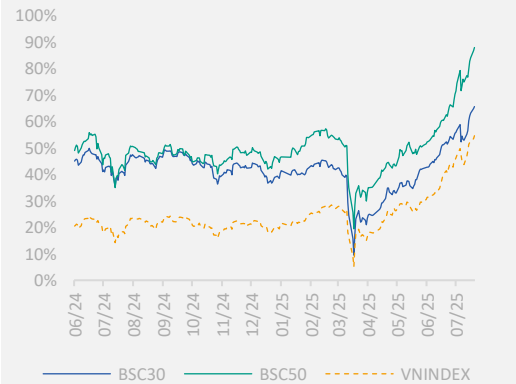
		%D	%W
SPX	6,446	1.13%	2.33%
FTSE100	9,163	0.17%	-0.01%
Eurostoxx	5,379	0.83%	2.34%
Shanghai	3,683	0.48%	1.36%
Nikkei	43,275	1.30%	6.90%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	65.56	-0.83%
Giá vàng	3,363	-1.15%
Tỷ giá		
USD/VND	26,450	0.00%
EUR/VND	31,460	0.48%
JPY/VND	182	0.55%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.5%	0.00%
LS LNH 1M	5.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	25.80	6.17%	2.28	6.10
CTG	49.60	3.33%	2.08	5.37
MSN	85.90	2.75%	0.84	1.52
LPB	39.20	3.02%	0.83	2.99
BVH	57.10	6.93%	0.69	0.74

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	40.10	9.86%	1.51	0.57
HUT	20.30	9.73%	1.18	0.89
SHS	24.90	4.18%	0.62	0.89
PVI	66.30	4.41%	0.46	0.23
KSF	69.70	1.01%	0.14	0.30

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FUEFCV50	14.39	6.99%	0.00	0.00
SGT	18.40	6.98%	0.04	0.38
CMG	44.50	6.97%	0.15	6.72
HDG	30.80	6.94%	0.18	13.86
BVH	57.10	6.93%	0.68	2.72

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	40.10	9.86%	8.61	18.29
IDJ	7.80	9.86%	0.51	7.43
VMS	29.00	9.85%	0.10	0.00
LIG	4.50	9.76%	0.16	4.17
HUT	20.30	9.73%	8.04	14.86

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	28.80	-2.70%	-1.45	7.93
VCB	62.50	-0.79%	-0.97	8.36
FPT	105.10	-2.23%	-0.81	1.48
HPG	28.10	-1.40%	-0.71	7.68
GEX	56.00	-4.76%	-0.56	0.90

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	36.70	-3.17%	-0.37	0.48
NVB	16.90	-1.74%	-0.23	1.17
KSV	166.00	-0.66%	-0.15	0.20
DHT	85.00	-2.30%	-0.11	0.08
NTP	65.10	-0.76%	-0.06	0.17

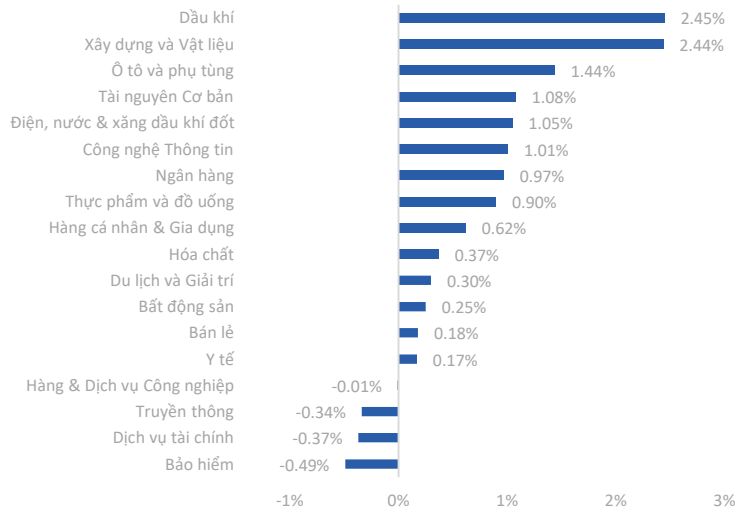
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SC5	16.15	-5.00%	0.00	0.01
FUCVREIT	7.90	-4.82%	0.00	0.01
GEX	56.00	-4.76%	-0.56	33.07
COM	30.50	-4.69%	0.00	0.00
STG	36.50	-3.82%	-0.03	0.00

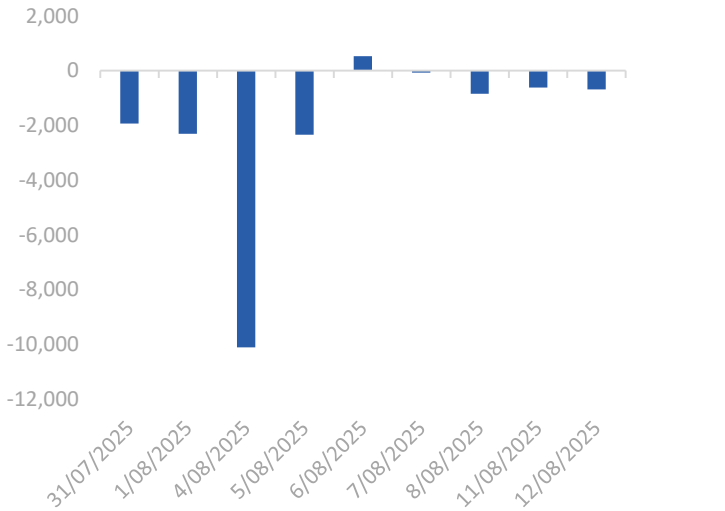
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SGD	25.30	-9.64%	-0.04	0.00
TOT	17.70	-7.82%	-0.05	0.06
KSD	6.00	-7.69%	-0.02	0.01
PJC	25.20	-7.35%	-0.05	0.00
BPC	10.30	-7.21%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	70.9	-1.8%	1.4	106,745	1026.0	3,304	21.9	84,700	48.9%	Link
KBC	Bất động sản	33.8	0.8%	1.8	31,596	276.1	1,831	18.3		15.0%	
KDH	Bất động sản	36.2	5.9%	1.2	38,380	433.0	717	47.7		32.9%	
PDR	Bất động sản	24.2	1.3%	1.7	23,417	986.0	177	135.3	23,600	9.9%	Link
VHM	Bất động sản	93.0	0.0%	0.9	381,989	495.7	6,995	13.3	92,000	10.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	105.1	-2.2%	1.0	183,127	2359.4	5,092	21.1	136,500	38.8%	Link
BSR	Dầu khí	22.5	-2.0%	0.0	71,156	346.7	(16)	(1,433)		0.4%	
PVS	Dầu khí	36.7	-3.2%	1.4	18,115	493.9	2,649	14.3	38,600	12.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	28.7	3.2%	1.6	29,969	935.8	1,146	24.2		38.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	36.8	0.0%	1.6	72,466	2467.1	1,577	23.3		40.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	47.0	3.3%	1.6	32,878	890.0	1,370	33.2		28.2%	
DCM	Hóa chất	41.0	-0.7%	1.4	21,864	214.8	3,221	12.8	47,300	6.4%	Link
DGC	Hóa chất	106.5	-1.3%	1.1	40,978	361.1	8,205	13.2	109,300	14.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.5	1.0%	0.7	124,564	555.8	3,305	7.3	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	41.4	-0.4%	0.8	291,387	484.6	3,683	11.3	47,000	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	49.6	3.3%	1.0	257,760	867.5	5,608	8.6	50,000	26.9%	Link
HDB	Ngân hàng	29.0	0.2%	1.1	101,007	877.2	4,094	7.1	30,800	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	25.8	6.1%	1.0	197,714	2026.6	4,021	8.1	34,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	15.5	0.7%	1.1	40,040	483.1	1,961	7.9	14,000	28.5%	Link
STB	Ngân hàng	53.9	-0.2%	1.1	101,802	568.6	6,148	8.8		20.3%	
TCB	Ngân hàng	37.5	-0.5%	1.2	267,151	1263.8	3,019	12.5	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.2	-0.3%	1.0	50,726	845.4	2,423	7.9	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	62.5	-0.8%	0.6	526,408	475.3	4,148	15.2	75,700	21.9%	Link
VIB	Ngân hàng	20.0	0.3%	1.1	67,740	424.1	2,219	9.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.8	-2.7%	1.2	234,844	1325.4	2,193	13.5	26,500	25.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.1	-1.4%	1.2	218,751	2247.2	1,750	16.3	35,800	22.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.7	-0.8%	1.6	12,326	286.5	751	26.4	16,800	9.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	31.0	-1.0%	1.2	12,027	341.2	4,124	7.6	32,200	5.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	85.9	2.8%	1.5	120,879	2051.9	1,862	44.9	92,700	25.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.1	-1.1%	0.7	129,159	381.2	4,101	15.1	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.6	-3.22%	1.5	10,553	263.7	2,216	21.7	26.0%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	148.2	-1.20%	0.9	25,545	114.6	3,163	47.4	32.9%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	57.1	6.93%	0.9	39,640	152.9	3,311	16.1	27.1%	10.6%	
DIG	Bất động sản	24.2	4.54%	1.5	14,965	1030.2	183	126.3	4.7%	1.5%	
DXG	Bất động sản	21.6	0.23%	1.6	21,957	582.6	353	61.0	25.8%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	37.1	-0.54%	1.2	6,644	214.9	482	77.4	6.4%	3.8%	
HDG	Bất động sản	30.8	6.94%	1.4	10,655	423.9	522	55.1	17.4%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	50.0	1.01%	1.1	16,335	277.8	4,574	10.8	17.9%	27.3%	
NLG	Bất động sản	46.6	6.89%	1.2	16,770	309.8	1,709	25.5	49.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	67.5	1.50%	1.4	16,101	87.9	5,315	12.5	4.2%	28.6%	
SZC	Bất động sản	39.8	4.33%	1.4	6,857	292.6	1,978	19.3	2.7%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	26.0	2.56%	1.4	16,939	369.6	1,125	22.5	12.0%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	116.0	0.43%	1.1	441,633	473.2	3,580	32.3	3.9%	9.9%	
VRE	Bất động sản	29.5	0.00%	1.2	66,920	219.3	1,937	15.2	18.3%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	44.5	6.97%	0.9	8,790	293.2	1,701	24.5	36.7%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	38.0	-1.30%	0.9	48,918	134.9	1,596	24.1	16.6%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	22.8	-1.09%	1.4	12,785	361.0	1,428	16.1	4.5%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	42.5	2.04%	1.7	14,414	514.2	1,348	30.9	26.3%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	40.1	9.86%	1.8	20,907	697.0	1,554	23.5	6.0%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.0	-0.71%	0.8	165,158	132.1	5,152	13.7	1.9%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.6	2.48%	0.9	37,821	347.0	624	25.9	3.2%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.5	-0.15%	0.9	37,158	90.1	4,418	15.5	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	127.4	0.31%	0.7	75,135	600.8	3,427	37.1	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.0	-4.76%	1.6	53,061	1857.3	1,745	33.7	7.8%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.9	0.16%	1.1	25,548	214.5	3,765	16.2	39.3%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.2	0.32%	1.3	10,638	224.9	5,700	11.1	6.2%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.7	-1.32%	1.1	8,905	122.3	2,304	8.2	8.9%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.9	-1.46%	0.0	14,200	101.1	3,339	34.9	5.1%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.0	0.57%	0.9	29,567	99.4	6,129	14.3	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.7	0.15%	0.9	3,652	79.7	2,693	12.1	49.9%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.8	-0.91%	1.2	2,697	62.9	2,844	7.7	17.1%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	28.7	-0.52%	1.4	19,582	155.6	957	30.1	8.4%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	32.7	0.62%	1.9	129,800	310.1	1,320	24.6	0.7%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	27.7	0.36%	0.9	51,411	1253.9	1,783	15.5	5.2%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	39.2	3.02%	1.0	113,666	418.4	3,324	11.5	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.5	-0.32%	0.0	26,679	33.9	2,260	6.9	1.9%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	12.7	-0.78%	1.0	34,087	139.0	1,130	11.3	19.7%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.6	-1.78%	1.5	7,564	382.3	666	25.4	5.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.1	0.00%	1.5	7,216	170.3	1,871	14.5	3.1%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.9	0.00%	0.6	10,914	275.5	1,921	18.7	4.1%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.0	-0.72%	0.9	61,948	59.3	3,185	15.2	58.9%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	62.3	4.53%	1.2	13,377	313.5	6,372	9.4	20.1%	16.1%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	139.4	-0.78%	0.7	11,501	21.8	13,894	10.1	85.5%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.1	0.48%	1.2	8,388	136.1	4,512	18.3	47.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.5	-0.32%	1.1	10,844	66.4	4,928	19.2	6.4%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.9	2.30%	1.3	4,818	270.3	2,501	19.1	4.9%	12.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.0	-0.33%	1.7	7,486	309.8	1,077	14.0	11.0%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.8	-1.42%	1.3	10,086	273.3	1,179	23.9	14.7%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.8	2.10%	1.4	16,970	556.8	1,241	21.2	9.2%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	66.0	-0.45%	1.3	29,726	199.2	3,343	19.8	5.8%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>